TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **28**/2018/QĐST-HNGĐ	*Ngân Sơn, ngày 09 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn chị **Lý Thị L**, sinh năm 1991 – Địa chỉ thường trú: Địa chỉ thường trú: thôn X, xã A, huyện B, tỉnh K

- Bị đơn anh **Triệu Văn P**, sinh năm 1988 – Địa chỉ thường trú: Địa chỉ thường trú: thôn X, xã A, huyện B, tỉnh K

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lý Thị L và bị đơn anh Triệu Văn P

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lý Thị L và bị đơn anh Triệu Văn P.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

- Giao con chung là cháu Triệu Q Đ, sinh ngày 26/6/2009 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn anh Triệu Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung cháu Triệu Q Đ đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là cháu Triệu H T, sinh ngày 14/12/2012 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Lý Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung cháu Triệu H T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lý Thị L đã nộp theo biên lai thu số: 08058, ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh K. Chị Lý Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận

- VKSND huyện B (02b);
- Các đương sự (01b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- TAND tỉnh K (01b);
- UBND xã A (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu.

Trần Quốc Doanh